

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
KHOA LUẬT

VŨ THỊ THÚY

**VAI TRÒ CỦA TÒA ÁN TRONG GIẢI QUYẾT
TRANH CHẤP HỢP ĐỒNG TÍN DỤNG**

Chuyên ngành: Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật
Mã số: 60 38 01 01

TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

HÀ NỘI – 2015

**Công trình được hoàn thành
tại Khoa Luật – Đại học Quốc gia Hà Nội**

Người hướng dẫn khoa học: TS. Nguyễn Hiền Phương

Phản biện 1:

.....

.....

Phản biện 2:

.....

.....

Luận văn sẽ được bảo vệ trước Hội đồng chấm luận văn thạc sĩ họp
tại Khoa Luật – Đại học Quốc gia Hà Nội.

Vào hồi: giờ ngày tháng..... năm.....

Có thể tìm hiểu luận văn tại:
Trung tâm tư liệu Khoa Luật – Đại học Quốc gia Hà Nội
Trung tâm Thông tin Thư viện – Đại học Quốc gia Hà Nội

MỤC LỤC

Trang phụ bìa

Lời cam đoan

Mục lục

Danh mục các từ viết tắt

LỜI MỞ ĐẦU	1
CHƯƠNG 1: MỘT SỐ VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ VAI TRÒ CỦA TÒA ÁN TRONG GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP HỢP ĐỒNG TÍN DỤNG	5
1.1. Khái quát về tranh chấp HĐTD.....	5
1.1.1. Khái niệm HĐTD	5
1.1.2. Khái niệm tranh chấp HĐTD.....	6
1.1.3. Các phương thức giải quyết tranh chấp HĐTD và vai trò của Tòa án	12
1.2. Sự tham gia của Tòa án trong giải quyết tranh chấp HĐTD	22
1.2.1. Sự tham gia của Tòa án trong giai đoạn thụ lý vụ án và chuẩn bị	22
xét xử.....	22
1.2.2. Sự tham gia của Tòa án trong giai đoạn xét xử vụ án....	27
1.2.3. Sự tham gia của Tòa án trong giai đoạn thi hành án.....	31
Kết luận chương 1	33
CHƯƠNG 2: THỰC TIỄN THỰC HIỆN VAI TRÒ CỦA TÒA ÁN TRONG GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP HỢP ĐỒNG TÍN DỤNG.....	34
2.1. Thực tiễn tham gia của Tòa án trong giai đoạn thụ lý vụ án và chuẩn bị xét xử	34
2.2.Thực tiễn tham gia của Tòa án trong giai đoạn xét xử vụ án	39
2.3. Thực tiễn tham gia của Tòa án trong giai đoạn thi hành án.....	47
Kết luận chương 2	51

CHƯƠNG 3: MỘT SỐ KIẾN NGHỊ NÂNG CAO VAI TRÒ CỦA TÒA ÁN TRONG GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP HỢP ĐỒNG TÍN DỤNG	52
3.1. Một số giải pháp hoàn thiện quy định pháp luật hiện hành về giải quyết tranh chấp HĐTD tại Tòa án.	52
3.1.1. Sửa đổi, bổ sung các quy định của pháp luật về áp dụng thủ tục rút gọn đối với giải quyết tranh chấp HĐTD tại Tòa án.	52
3.1.2. Hoàn thiện quy định pháp luật về chứng minh và chứng cứ..	55
3.2. Một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật về giải quyết tranh chấp HĐTD tại Tòa án	58
3.2.1. Nâng cao chất lượng đội ngũ thẩm phán	58
3.2.2. Nâng cao năng lực của cán bộ tín dụng ngân hàng	62
3.2.3. Nâng cao ý thức pháp luật của các doanh nghiệp và người dân	63
KẾT LUẬN	65
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	66

LỜI MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài:

Hiện nay, nước ta đang trong giai đoạn phát triển kinh tế nên các giao dịch hàng hóa, tiền tệ trong xã hội diễn ra hàng ngày rất đa dạng, phong phú đặc biệt trong các tổ chức tín dụng - nơi cung cấp vốn chủ yếu cho nền kinh tế. Để bảo đảm an toàn về mặt pháp lý, các bên trong giao dịch chọn hình thức giao dịch thông qua hợp đồng tín dụng để ghi nhận sự thỏa thuận giữa các bên, là cơ sở để pháp luật bảo vệ quyền lợi của các bên khi có tranh chấp. Trong thực tiễn ta nhận thấy HĐTD ngân hàng có nhiều vấn đề phức tạp và chứa đựng nhiều yếu tố rủi ro nên rất dễ dẫn đến tranh chấp của các bên trong hợp đồng. Khi lợi ích giữa các bên không đạt được, không thể cùng nhau thỏa thuận thì thông thường bên bị ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp sẽ làm thủ tục khởi kiện ra toà án để được pháp luật bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Việc giải quyết các tranh chấp phát sinh từ HĐTD ngân hàng của Tòa án đóng vai trò rất quan trọng trong việc bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân, giữ gìn trật tự an toàn xã hội và đặc biệt là góp phần đưa đất nước phát triển đi lên như mục tiêu của Đảng và Nhà nước ta đề ra. Tuy nhiên, trong nền kinh tế thị trường hiện nay các giao dịch dân sự, đặc biệt là các giao dịch thông qua HĐTD ngân hàng diễn ra ngày càng nhiều trên phạm vi rộng, gây khó khăn cho việc giải quyết các tranh chấp này ở Tòa án. Trước tình hình đó cần phải hoàn thiện hơn hệ thống pháp luật liên quan đến việc giải quyết tranh chấp HĐTD và nâng cao vai trò của Tòa án trong việc giải quyết loại tranh chấp này. Do đó, việc nghiên cứu về vai trò của Tòa án trong giải quyết tranh chấp HĐTD dưới cả góc độ lý luận và thực tiễn để có một nhận thức toàn diện về cơ chế giải quyết loại tranh chấp này tại Tòa án là rất cần thiết. Vì vậy, em đã lựa chọn đề tài **“Vai trò của Tòa án trong giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng”** làm đề tài luận văn tốt nghiệp của mình.

2. Tình hình nghiên cứu đề tài:

Giải quyết tranh chấp HĐTD là vấn đề không chỉ nhận được sự quan tâm của giới kinh doanh mà còn là vấn đề quan tâm của các nhà khoa học pháp lý nhằm tạo dựng một cơ chế giải quyết tranh chấp phát sinh từ HĐTD một cách hiệu quả, góp phần tạo ra một môi trường thuận lợi, thúc đẩy cho hoạt động tài chính ngân hàng phát triển lành mạnh. Chính vì vậy đã có nhiều công trình nghiên cứu ở các cấp độ khác nhau về những vấn đề liên quan đến giải quyết tranh chấp phát sinh từ HĐTD. Tuy nhiên các công trình này chỉ dừng lại ở mức độ nghiên cứu về giải quyết những tranh chấp phát sinh từ HĐTD nói chung, chưa làm sâu sắc và nổi bật được vai trò quan trọng của Tòa án trong việc giải quyết tranh chấp HĐTD ở Việt Nam. Vì vậy, luận văn tốt nghiệp này về cơ bản là mới, chưa được nghiên cứu tổng thể, toàn diện. Đề tài được thực hiện trên cơ sở tiếp thu có chọn lọc và kế thừa kết quả nghiên cứu của các công trình đi trước.

3. Nội dung và phạm vi nghiên cứu:

Phạm vi nghiên cứu của luận văn bao gồm những vấn đề lý luận về vai trò của Tòa án trong việc giải quyết tranh chấp HĐTD và thực tiễn về việc thực hiện vai trò của Tòa án trong lĩnh vực này.

Nội dung của luận văn đề cập tới các vấn đề:

- Lý luận cơ bản về tranh chấp tranh chấp HĐTD và vai trò của Tòa án trong việc giải quyết;
- Thực tiễn thực hiện vai trò của Tòa án trong giải quyết tranh chấp HĐTD, nêu lên những thành công và hạn chế đồng thời cũng chỉ rõ nguyên nhân của những hạn chế còn tồn tại;
- Đề xuất các kiến nghị, giải pháp nhằm nâng cao vai trò của Tòa án trong giải quyết tranh chấp HĐTD.

4. Phương pháp nghiên cứu:

Luận văn được sử dụng phương pháp của chủ nghĩa duy vật biện chứng và duy vật lịch sử của chủ nghĩa Mác – Lênin. Ngoài ra,

tác giả còn sử dụng phương pháp lịch sử, so sánh, phân tích, tổng hợp, quy nạp, diễn dịch để phục vụ cho hoạt động nghiên cứu theo từng nội dung của đề tài.

5. Ý nghĩa khoa học và giá trị ứng dụng:

Luận văn đã nghiên cứu kiến thức cơ bản và làm sâu sắc hơn những vấn đề lý luận chung về vai trò của Tòa án trong việc giải quyết tranh chấp HĐTD. Đồng thời, luận văn đã khắc họa được bức tranh thực tiễn về việc thực hiện vai trò của Tòa án trong giải quyết tranh chấp HĐTD với những điểm thành công và hạn chế, đặc biệt là đã chỉ ra được nguyên nhân của những hạn chế còn tồn tại để làm cơ sở cho việc đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao vai trò của Tòa án trong việc giải quyết tranh chấp HĐTD. Những đề xuất được nêu ra trên cơ sở đáp ứng yêu cầu hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả việc thực hiện vai trò của Tòa án trong giải quyết tranh chấp HĐTD nên có giá trị khoa học cao, có thể tham khảo trong thực tiễn áp dụng pháp luật.

6. Bố cục của luận văn gồm:

Lời nói đầu.

Chương 1: Những vấn đề cơ bản về vai trò của Tòa án trong giải quyết tranh chấp HĐTD.

Chương 2: Thực tiễn thực hiện vai trò của Tòa án trong giải quyết tranh chấp HĐTD ở Việt Nam.

Chương 3: Một số kiến nghị nâng cao vai trò của Tòa án trong giải quyết tranh chấp HĐTD ở Việt Nam.

Phân kết luận.

CHƯƠNG 1

MỘT SỐ VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ VAI TRÒ CỦA TÒA ÁN TRONG GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP HỢP ĐỒNG TÍN DỤNG

1.1. Khái quát về tranh chấp HĐTD

1.1.1. Khái niệm HĐTD

HĐTD có bản chất pháp lý chung của hợp đồng dân sự - được quy định tại Điều 388 Bộ luật dân sự 2005: "*Hợp đồng dân sự là sự thỏa thuận giữa các bên về việc xác lập, thay đổi quyền, nghĩa vụ dân sự*" [2].

Pháp luật chuyên ngành không đưa ra định nghĩa về HĐTD song từ định nghĩa về hợp đồng dân sự và căn cứ vào bản chất hoạt động cho vay của các tổ chức tín dụng có thể hiểu về HĐTD như sau: *HĐTD ngân hàng là sự thỏa thuận bằng văn bản giữa ngân hàng (bên cho vay) với tổ chức, cá nhân có đủ những điều kiện do luật định (bên vay). Căn cứ vào hợp đồng, ngân hàng chuyển giao một số tiền cho bên vay sử dụng trong một thời hạn nhất định, với điều kiện hoàn trả cả gốc và lãi.*

Về chủ thể, bên cho vay trong HĐTD luôn là TCTD. Bên vay là các tổ chức, cá nhân đáp ứng các điều kiện vay vốn theo quy định của pháp luật và quy chế cho vay của TCTD.

Về hình thức, sự thỏa thuận giữa tổ chức tín dụng với tổ chức, cá nhân có đủ điều kiện luật định phải được thể hiện bằng hình thức pháp lý là văn bản.

Về nội dung, bên cho vay đồng ý cho bên vay được sử dụng một số tiền do mình ứng trước trong thời hạn nhất định, với điều kiện có hoàn trả cả gốc và lãi được các bên thỏa thuận phù hợp với quy định của pháp luật và được ghi rõ trong hợp đồng.

Việc ký kết và thực hiện HĐTD ngân hàng giữa các bên phải dựa trên nguyên tắc: Tự nguyện, cùng có lợi, bình đẳng về quyền và nghĩa vụ, trực tiếp chịu trách nhiệm về tài sản và không trái với pháp luật.

1.1.2. Khái niệm tranh chấp HĐTD

Tranh chấp phát sinh từ HĐTD là tình trạng pháp lý trong quan hệ HĐTD, mà ở đó các bên thể hiện sự xung đột, hay bất đồng ý chí

với nhau về những quyền và nghĩa vụ phát sinh từ HĐTD. Có thể hiểu khái quát: *Tranh chấp HĐTD ngân hàng là những mâu thuẫn phát sinh từ quyền và nghĩa vụ trong HĐTD ngân hàng giữa bên cho vay và bên.* Đó là những tranh chấp về lãi suất, nợ gốc, nợ lãi, việc giải ngân, xử lý tài sản đảm bảo...

Nguyên nhân gây ra tranh chấp HĐTD rất đa dạng, song có thể khái quát với những nguyên nhân từ phía bên vay, bên cho vay và cả những hạn chế của quy định pháp luật.

Về nguyên nhân từ phía bên cho vay: Thông thường phía ngân hàng vi phạm nghĩa vụ giải ngân cho khách hàng như quy định trong hợp đồng. Các tổ chức tín dụng không tuân thủ chế độ tín dụng và điều kiện cho vay. Đôi khi ngân hàng cho vay mà không tiến hành quy trình thẩm định theo nguyên tắc phân tích tín dụng, có một số trường hợp ngân hàng không nắm rõ ràng các thông tin chính xác về khách hàng...

Về nguyên nhân từ phía bên vay:

Nguyên nhân khách quan: là những nguyên nhân tác động ngoài ý chí, tầm kiểm soát của khách hàng như: do sự thay đổi của chính sách quản lý kinh tế, do thiên tai, hoả hoạn, điều chỉnh quy hoạch, do thị trường biến động, quan hệ cung cầu hàng hoá thay đổi ... làm cho hoạt động của bên vay không thực hiện như kế hoạch đề ra.

Nguyên nhân chủ quan: Cá nhân vay vốn không nắm được thông tin cần thiết về kế hoạch đầu tư, sản xuất khi vay vốn dẫn đến tình trạng vay vốn về đầu tư không có hiệu quả. Nguyên nhân nữa là do bên vay còn thiếu hiểu biết về pháp luật, trình độ hiểu biết của bên vay còn hạn chế về những kiến thức pháp luật liên quan.

Nguyên nhân từ quy định của pháp luật: Xã hội luôn thay đổi theo nhiều chiều hướng khác nhau, các mối quan hệ xã hội cũng đổi mới không ngừng kéo theo các giao dịch trong xã hội cũng có thêm nhiều yếu tố phức tạp và đa dạng hơn. Trái lại, pháp luật nước ta chưa thể dự kiến và điều chỉnh được hết các mối quan hệ xã hội sắp diễn ra.

1.1.3. Các phương thức giải quyết tranh chấp HĐTD và vai trò của Tòa án

Trên thế giới cũng như ở Việt Nam, tồn tại bốn phương thức giải quyết tranh chấp thương mại phổ biến bao gồm thương lượng, hòa giải, trọng tài thương mại và Tòa án.

Về phương thức thương lượng: Thương lượng là phương thức giải quyết tranh chấp thông qua việc các bên tranh chấp cùng nhau bàn bạc, tự dàn xếp, tháo gỡ những bất đồng phát sinh để loại bỏ tranh chấp mà không cần có sự trợ giúp hay phán quyết của bất kỳ bên thứ ba nào. Phương pháp thương lượng được biết đến bởi một số đặc điểm cơ bản:

Thứ nhất là phương thức giải quyết tranh chấp này được thực hiện bởi cơ chế tự giải quyết thông qua việc các bên tranh chấp gặp nhau bàn bạc, thỏa thuận để tự giải quyết những bất đồng phát sinh.

Thứ hai là quá trình thương lượng giữa các bên cũng không chịu sự ràng buộc của bất kỳ nguyên tắc pháp lý hay những quy định mang tính khuôn mẫu nào của pháp luật về thủ tục giải quyết tranh chấp.

Thứ ba là việc thực thi kết quả thương lượng hoàn toàn phụ thuộc vào sự tự nguyện của mỗi bên tranh chấp.

Ưu điểm nổi bật nhất của phương pháp thương lượng chính là sự thuận tiện, đơn giản, nhanh chóng, tính linh hoạt, hiệu quả và ít tốn kém. Mặt khác thương lượng còn bảo vệ được uy tín cho các bên tranh chấp cũng như bí mật kinh doanh của các nhà kinh doanh. Tuy nhiên, phương pháp thương lượng còn tồn tại một số hạn chế như sự thành công của thương lượng phụ thuộc rất lớn vào sự hiểu biết và thái độ thiện chí, hợp tác của các bên tranh chấp. Ngoài ra, kết quả thương lượng lại không được đảm bảo bằng cơ chế pháp lý mang tính bắt buộc.

Về phương thức hòa giải: Hòa giải là phương thức giải quyết tranh chấp với sự tham gia của bên thứ ba làm trung gian hòa giải để hỗ trợ, thuyết phục các bên tranh chấp tìm kiếm các giải pháp nhằm loại trừ tranh chấp đã phát sinh. Phương thức hòa giải có một số đặc điểm cơ bản:

Thứ nhất là việc giải quyết tranh chấp thương mại bằng hòa giải đã có sự hiện diện của bên thứ ba (do các bên tranh chấp lựa chọn)

làm trung gian để trợ giúp các bên tìm kiếm giải pháp tối ưu nhằm loại trừ tranh chấp.

Thứ hai là quá trình hòa giải các bên tranh chấp cũng không chịu sự chi phối bởi các quy định có tính khuôn mẫu, bắt buộc của pháp luật về thủ tục hòa giải.

Thứ ba là kết quả hòa giải thành được thực thi cũng hoàn toàn phụ thuộc vào ý chí tự nguyện của các bên tranh chấp.

Giải quyết tranh chấp thương mại bằng hòa giải cũng có nhiều ưu điểm như phương thức thương lượng. Bên cạnh những ưu điểm chung, hòa giải còn có những ưu điểm vượt trội như: Hòa giải có sự tham gia của người thứ ba trong quá trình giải quyết tranh chấp, bằng sự hiểu biết cũng như sự tín nhiệm của mình, người hòa giải sẽ biết cách làm cho ý chí của các bên dễ gặp nhau trong quá trình đàm phán để loại trừ tranh chấp. Vì vậy khi đạt được phương án hòa giải, các bên thường nghiêm túc thực hiện.

Bên cạnh những ưu điểm đã trình bày ở trên, việc giải quyết tranh chấp bằng phương thức hòa giải vẫn còn một số những hạn chế đáng chú ý sau:

Việc thực thi các kết quả đã đạt được trong quá trình giải quyết tranh chấp phụ thuộc vào sự tự nguyện thi hành của bên có nghĩa vụ phải thi hành, thỏa thuận hòa giải giữa các bên không được đảm bảo thi hành bằng sức mạnh cưỡng chế của nhà nước. Nhiều trường hợp do muốn tìm mọi cách mà bên có quyền lợi bị vi phạm mất quyền khởi kiện tại Tòa án hoặc trọng tài do hết thời hiệu khởi kiện. Ngoài ra, trong quá trình hòa giải các bên phải trao đổi, cung cấp thông tin với người thứ ba về hoạt động kinh doanh của mỗi bên liên quan đến vụ tranh chấp nên uy tín cũng như bí quyết kinh doanh của mỗi bên dễ bị ảnh hưởng hơn so với phương thức thương lượng. Bên cạnh đó, việc chi phí cho quá trình giải quyết tranh chấp thương mại bằng hòa giải cũng tốn kém hơn so với thương lượng.

Về phương thức trọng tài thương mại: Là hình thức giải quyết tranh chấp thông qua hoạt động của trọng tài viên, với tư cách là bên thứ ba độc lập nhằm chấm dứt xung đột trong quá trình tiến hành các hoạt động thương mại bằng việc đưa ra một phán quyết buộc các bên

tranh chấp phải thực hiện. Giải quyết tranh chấp thông qua trọng tài thương mại có các đặc điểm cơ bản:

Phán quyết của Trọng tài có giá trị như phán quyết của Tòa án và cũng được cưỡng chế thi hành. Cơ chế giải quyết tranh chấp bằng trọng tài là sự kết hợp giữa hai yếu tố thỏa thuận và tài phán. Thỏa thuận làm tiền đề cho phán quyết và không thể có phán quyết thoát ly những yếu tố đã được thỏa thuận. Một trong các nguyên tắc khi giải quyết tranh chấp thương mại bằng trọng tài thương mại là phiên họp giải quyết tranh chấp không diễn ra công khai trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác. Phán quyết của trọng tài có giá trị chung thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị và có hiệu lực thi hành đối với các bên. Nếu một trong các bên không thi hành thì bên kia có quyền yêu cầu Tòa án công nhận và cho thi hành phán quyết trọng tài. Với các đặc điểm như trên, giải quyết tranh chấp thông qua trọng tài mang lại lợi ích cho các bên tranh chấp như:

Thứ nhất là trọng tài thương mại mang tính linh hoạt, đảm bảo tốt hơn quyền tự định đoạt của các bên.

Thứ hai là trọng tài thương mại mang tính bí mật: các phiên họp giải quyết tranh chấp của trọng tài không được tổ chức công khai và chỉ có các bên nhận được quyết định.

Thứ ba là giải quyết tranh chấp thương mại bằng phương thức trọng tài có thể giúp các bên tiết kiệm được thời gian.

Bên cạnh những lợi ích mang lại cho các bên tranh chấp, phương thức trọng tài còn tồn tại một số hạn chế như:

Thứ nhất là các trọng tài viên có thể gặp khó khăn trong quá trình điều tra, xác minh và thu thập chứng cứ và triệu tập nhân chứng.

Thứ hai là trọng tài vụ việc phải phụ thuộc hoàn toàn vào thiện chí của các bên. Nếu một bên không có thiện chí, quá trình tố tụng sẽ luôn có nguy cơ bị trì hoãn, và nhiều khi không thể thành lập được Hội đồng Trọng tài.

Về phương thức giải quyết tranh chấp thông qua Tòa án: Là phương thức giải quyết tranh chấp tại cơ quan xét xử nhân danh quyền lực nhà nước, được tiến hành theo trình tự, thủ tục nghiêm

ngặt, chặt chẽ và bản án hay quyết định của Tòa án về vụ tranh chấp sẽ được bảo đảm thi hành bằng sức mạnh cưỡng chế của nhà nước.

Việc đưa tranh chấp ra xét xử tại Tòa án có nhiều ưu điểm như:

Thứ nhất, hòa giải trong tố tụng là một thủ tục bắt buộc nên quyền tự định đoạt của các đương sự vẫn được bảo đảm.

Thứ hai, Tòa án là cơ quan đại diện cho quyền lực của Nhà nước nên các bản án, quyết định của Tòa án mang tính cưỡng chế thi hành.

Thứ ba, với nguyên tắc xét xử hai cấp cùng thủ tục đặc biệt để xét lại bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật những sai sót và vi phạm trong quá trình giải quyết tranh chấp có khả năng được phát hiện và khắc phục tốt nhất, góp phần đảm bảo quyền lợi hợp pháp của các bên.

Mặc dù vậy, việc giải quyết tranh chấp HĐTD thông qua Tòa án cũng gây cho các bên không ít bất khoản, trở ngại như:

Thứ nhất là phán quyết của Tòa án có thể bị kháng cáo. Quá trình tố tụng có thể bị trì hoãn và kéo dài, phải qua nhiều cấp xét xử.

Thứ hai là nguyên tắc xét xử công khai của Tòa án đôi khi lại là cản trở đối với doanh nhân đặc biệt là đối với các tổ chức tín dụng khi những bí mật kinh doanh bị tiết lộ và uy tín trên thương trường bị giảm sút.

1.2. Sự tham gia của Tòa án trong giải quyết tranh chấp HĐTD

1.2.1. Sự tham gia của Tòa án trong giai đoạn thụ lý vụ án và chuẩn bị xét xử

a. Sự tham gia của Tòa án trong giai đoạn thụ lý vụ án dân sự

Thụ lý vụ án là việc Tòa án nhận đơn khởi kiện của người khởi kiện và vào sổ thụ lý vụ án dân sự để giải quyết. Trong thời hạn năm ngày làm việc kể từ ngày nhận được đơn khởi kiện, Tòa án phải xem xét và ra một trong ba quyết định sau: (1) Tiến hành thủ tục thụ lý vụ án nếu vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết; (2) Chuyển đơn khởi kiện cho Tòa án có thẩm quyền và báo cho người khởi kiện, nếu vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án khác; (3) Trả lại đơn khởi kiện cho người khởi kiện nếu vụ án không thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

b. Sự tham gia của Tòa án trong giai đoạn chuẩn bị xét xử sơ thẩm vụ án dân sự.

Các công việc chuẩn bị xét xử chủ yếu của Tòa án bao gồm: Phân công thẩm phán giải quyết vụ án; thông báo việc thụ lý vụ án; quyết định đưa vụ án ra xét xử và triệu tập những người tham gia tố tụng đến tham gia phiên tòa.

Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử sơ thẩm vụ án, vai trò của Tòa án được thể hiện đặc biệt quan trọng thông qua việc hòa giải vụ án. Việc hòa giải có ý nghĩa quan trọng đối với quá trình giải quyết vụ tranh chấp HĐTD. Nếu trong trường hợp hòa giải thành thì không cần phải mở phiên tòa xét xử vụ án, giảm bớt một giai đoạn tố tụng kéo dài và phức tạp, tiết kiệm được thời gian, chi phí cho các bên tranh chấp. Thậm chí, nếu hòa giải không thành thì cũng giúp Tòa án có điều kiện nắm vững được nội dung vụ án, hiểu được những bất đồng trong quan điểm của các bên và xác định được bản chất của vụ án.

Trong thời hạn chuẩn bị xét xử, tùy từng trường hợp, Tòa án ra một trong các quyết định sau: (i) Trong trường hợp Tòa án tiến hành hòa giải thành thì Tòa án công nhận sự thỏa thuận của đương sự trong vụ tranh chấp HĐTD; (ii) Khi xuất hiện những trường hợp quy định tại Điều 189 Luật sửa đổi bổ sung một số Điều của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2004, Tòa án ra quyết định đình chỉ giải quyết tranh chấp HĐTD; (iii) Trong quá trình giải quyết vụ tranh chấp HĐTD nếu có một trong các trường hợp quy định tại Điều 192 Luật sửa đổi bổ sung một số Điều của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2004, Tòa án ra quyết định đình chỉ giải quyết vụ án.

Khi việc hòa giải không đạt được kết quả và không có căn cứ để tạm đình chỉ, đình chỉ giải quyết vụ án thì Tòa phải ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử.

1.2.2. Sự tham gia của Tòa án trong giai đoạn xét xử vụ án

a, Sự tham gia của Tòa án tại phiên tòa sơ thẩm

Sau khi hòa giải không thành, Tòa án phải tiến hành phiên xét xử vụ án.

Phiên tòa sơ thẩm là phiên xử lần đầu nhưng có ý nghĩa rất quan trọng đối với việc giải quyết vụ án dân sự. Tại phiên tòa sơ thẩm Tòa án sẽ quyết định giải quyết các vấn đề của vụ án, xác định quyền và nghĩa vụ của các đương sự làm cơ sở cho việc thi hành án. Sau khi Tòa án tiến hành phiên tòa sơ thẩm việc giải quyết vụ án dân sự kết thúc, trừ trường hợp có kháng cáo, kháng nghị.

Phiên tòa sơ thẩm cũng là nơi Tòa án thực hiện việc giáo dục pháp luật. Thông qua hoạt động xét xử của Tòa án, những người tham dự phiên tòa biết rõ hơn các quy định của pháp luật được Tòa án áp dụng giải quyết vụ án từ đó nâng cao được ý thức pháp luật của họ.

Hoạt động xét xử của Tòa án ở phiên tòa sơ thẩm là để thực hiện chức năng, nhiệm vụ của cơ quan xét xử, thực hiện đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước. Nếu hoạt động này được tiến hành tốt sẽ làm tăng thêm tác dụng của công tác giáo dục chính trị, giáo dục pháp luật, nâng cao được ý thức pháp luật cho nhân dân.

b, Sự tham gia của Tòa án tại phiên tòa phúc thẩm

Phúc thẩm vụ án dân sự là việc Tòa án cấp trên trực tiếp xét xử lại vụ án mà bản án, quyết định của Tòa án cấp dưới đã xét xử sơ thẩm chưa có hiệu lực pháp luật bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo quy định tại Điều 243, 250 BLTTDS, thì người có quyền kháng cáo theo thủ tục phúc thẩm vụ tranh chấp HĐTD là các đương sự, người đại diện của đương sự, cơ quan, tổ chức đã khởi kiện vụ tranh chấp HĐTD. Người có thẩm quyền kháng nghị là Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp và cấp trên trực tiếp. Việc kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm phải được thực hiện bằng đơn kháng cáo cùng với các tài liệu, chứng cứ bổ sung để chứng minh cho việc kháng cáo, kháng nghị là có căn cứ và hợp pháp.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bên có thể thỏa thuận với nhau về giải quyết vụ án, khi đó Hội đồng xét xử có thể ra bản án phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận. Trong trường hợp vẫn còn kháng cáo hoặc Viện kiểm sát vẫn giữ kháng nghị và các đương sự không thỏa thuận được thì Hội đồng xét xử sẽ tiến hành xét xử phúc thẩm. Theo Điều 275 BLTTDS, Hội đồng xét xử phúc thẩm có

quyền: Giữ nguyên bản án sơ thẩm; Sửa bản án sơ thẩm; Hủy bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án; Hủy bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết vụ án. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Việc phúc thẩm bản án dân sự của Tòa án cấp sơ thẩm chưa có hiệu lực pháp luật có ý nghĩa quan trọng trong việc sửa chữa những sai lầm có thể có ở bản án sơ thẩm, bảo đảm cho quyền và lợi ích hợp pháp của các bên tranh chấp cũng như lợi ích công cộng được thực hiện trên thực tế, góp phần bảo vệ pháp chế xã hội chủ nghĩa. Qua hoạt động xét xử phúc thẩm, Tòa án cấp trên có điều kiện để tiến hành kiểm tra công tác xét xử của Tòa án cấp dưới một cách trực tiếp, qua đó có thể chỉ đạo một cách kịp thời và thống nhất việc áp dụng pháp luật trong hoạt động xét xử của Tòa án ở các địa phương trong hệ thống TAND các cấp trong cả nước.

1.2.3. Sự tham gia của Tòa án trong giai đoạn thi hành án

Theo qui định của pháp luật hiện hành vai trò của Tòa án trong công tác thi hành án dân sự được thể hiện ở các khía cạnh:

- Bảo đảm bản án, quyết định đã tuyên chính xác, rõ ràng, cụ thể, phù hợp với thực tế, đúng pháp luật.

- Khi cơ quan Thi hành án dân sự có văn bản yêu cầu giải thích những nội dung mà bản án, quyết định tuyên chưa rõ hoặc có văn bản kiến nghị bản án, quyết định của Tòa án có vi phạm theo qui định của pháp luật tố tụng, Tòa án phải giải quyết chính xác, kịp thời, đúng pháp luật, trong thời hạn luật định.

- Chuyển giao bản án, quyết định của Tòa án cho cơ quan Thi hành án dân sự kịp thời, đúng thời hạn quy định của pháp luật.

- Thụ lý và kịp thời giải quyết yêu cầu của cơ quan Thi hành án dân sự, đương sự về việc xác định quyền sở hữu, phân chia tài sản, giải quyết tranh chấp về quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản, tranh chấp kết quả bán đấu giá tài sản thuộc thẩm quyền của Tòa án phát sinh trong quá trình thi hành án.

CHƯƠNG 2

THỰC TIỄN THỰC HIỆN VAI TRÒ CỦA TÒA ÁN TRONG GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP HỢP ĐỒNG TÍN DỤNG

2.1. Thực tiễn tham gia của Tòa án trong giai đoạn thụ lý vụ án và chuẩn bị xét xử

Giai đoạn khởi kiện và thụ lý vụ án dân sự là giai đoạn đầu tiên trong quá trình xét xử vụ án dân sự. Đây là một giai đoạn quan trọng và không thể thiếu được trong xét xử vụ án dân sự. Mặc dù trong giai đoạn này, Tòa án đã thực hiện vai trò của mình một cách tích cực, đạt được những thành công nhất định nhưng do một số vướng mắc phát sinh từ quy định pháp luật nên vẫn tồn tại một số mặt hạn chế trong việc thực hiện vai trò của Tòa án như:

Về thời hiệu khởi kiện của vụ án còn hay là đã hết thời hiệu khởi kiện. Theo quy định pháp luật hiện hành thì tranh chấp phát sinh từ HĐTD là loại tranh chấp về quyền sở hữu tài sản sản, tranh chấp về đòi lại tài sản do người khác quản lý, chiếm hữu nên sẽ không áp dụng thời hiệu. Tuy nhiên, với quy định mới tại Nghị quyết số 03/2012/NQ-HĐTP ngày 03/12/2012 của Hội đồng thẩm phán TAND tối cao hướng dẫn thi hành một số quy định trong phân thứ nhất “những quy định chung” của Bộ luật tố tụng dân sự đã được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự thì chỉ không áp dụng thời hiệu đối với việc đòi nợ gốc, còn việc đòi nợ lãi thì vẫn áp dụng thời hiệu. Việc quy định như vậy dẫn đến hiện nay việc xác định thời hiệu khởi kiện trong vụ án tranh chấp HĐTD của Tòa án còn gặp nhiều khó khăn bởi quy định của pháp luật về thời hiệu khởi kiện như hiện tại có thể dẫn đến có nhiều cách hiểu khác nhau trên thực tế về thời hiệu khởi kiện.

Việc xác định địa chỉ của người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là cá nhân cũng là việc làm không đơn giản vì vướng mắc phát sinh từ quy định pháp luật. Căn cứ vào các quy định

pháp luật hiện hành thì Tòa án chỉ trả lại Đơn khởi kiện cho đương sự trong trường hợp đương sự ghi không đầy đủ, hoặc ghi không đúng tên, địa chỉ của người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Tuy nhiên, công tác thực tiễn cho thấy có nhiều trường hợp đơn khởi kiện đã ghi đúng tên, địa chỉ của người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án kèm theo các tài liệu chứng minh về tên, địa chỉ của họ thì Tòa án lại yêu cầu Ngân hàng phải có văn bản của chính quyền địa phương xác nhận đương sự đang cư trú tại địa chỉ ghi trong đơn khởi kiện thì Tòa án mới thụ lý vụ án. Xuất phát từ vướng mắc trên mà rất nhiều Ngân hàng không thể tiến hành khởi kiện trong khi có đầy đủ căn cứ chứng minh khách hàng vi phạm nghĩa vụ thanh toán, trốn tránh khi Ngân hàng đôn đốc trả nợ. Trường hợp người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là cá nhân mà không xác định được địa chỉ thì Tòa án không thụ lý vụ án. Ngân hàng phải tiến hành thủ tục thông báo tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú đối với bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khiến vụ án bị kéo dài thời gian dài quyết gây khó khăn cho ngân hàng trong việc thu hồi nợ.

Trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án, người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vì nhiều mục đích khác nhau cố tình gây khó khăn cho Tòa án trong việc giải quyết vụ án (không có mặt tại Tòa án theo Giấy triệu tập, bỏ trốn khỏi nơi cư trú, không ký nhận các văn bản tố tụng do Tòa án ban hành ...). Sự bất hợp tác của người bị kiện và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong trường hợp này sẽ làm cho việc giải quyết vụ án của Tòa án bị kéo dài. Tòa án phải tiến hành xác minh, niêm yết văn bản tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự mới có thể xét xử vắng mặt họ. Đối với những vụ án phức tạp có nhiều người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thì phiên tòa xét xử bị hoãn nhiều lần là điều khó tránh khỏi.

Tương tự các khách hàng cá nhân thì hiện nay nhiều doanh nghiệp sau khi vay vốn của Ngân hàng cũng không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, bỏ trốn khỏi địa chỉ đăng ký kinh doanh với mục đích trốn tránh nghĩa vụ trả nợ. Ngân hàng không biết doanh nghiệp có hoạt động kinh doanh hay không. Cơ quan đăng ký kinh doanh cung cấp thông tin khẳng định doanh nghiệp không thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh. Tuy nhiên, Tòa án có quan điểm khác nhau về việc thụ lý giải quyết đối với trường hợp doanh nghiệp vay vốn bỏ địa chỉ kinh doanh, không liên lạc được với người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp.

Bên cạnh một số vướng mắc còn tồn tại nêu trên, trong giai đoạn thụ lý vụ án và chuẩn bị xét xử, Tòa án đã thực hiện tốt vai trò của mình trong việc hòa giải. Theo thống kê của TAND tối cao, từ ngày 01/01/2005 đến ngày 30/12/2013 [20], ngành TAND đã thụ lý được 70911 vụ án kinh doanh thương mại trong đó có các vụ án tranh chấp phát sinh từ HĐTD, giải quyết 60160 vụ án, trong đó, số lượng các vụ án hòa giải thành ở TAND cấp tỉnh chiếm tỷ lệ 45.3% số vụ án được giải quyết, cao hơn so với các vụ án được hòa giải thành ở TAND cấp huyện, chiếm 39.2% số vụ án đã được giải quyết. Như vậy, có thể thấy tỷ lệ hòa giải thành trong vụ án kinh doanh thương mại là rất lớn, cao nhất ở TAND cấp tỉnh có năm lên đến 50.2%, thấp nhất cũng là 13%. Kết quả này phản ánh ngành Tòa án đã áp dụng quy định pháp luật và thực hiện hiệu quả công tác hòa giải án kinh doanh thương mại tại Tòa án, phát huy được tính đặc thù của giải quyết tranh chấp kinh doanh thương mại đặc biệt là tranh chấp HĐTD cần giải quyết nhanh chóng, hiệu quả và tiết kiệm chi phí nhằm giảm thiểu thiệt hại vật chất và giữ uy tín của các bên.

2.2. Thực tiễn tham gia của Tòa án trong giai đoạn xét xử vụ án

Trong những năm qua việc xét xử của Tòa án đã góp phần giải quyết được những tranh chấp về các lĩnh vực dân sự tránh được

những tranh chấp nghiêm trọng xảy ra và đảm bảo được quyền, lợi ích hợp pháp của các đương sự trong các vụ án. Bên cạnh những mặt đạt được trong xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thì Tòa án còn một số hạn chế trong việc thực hiện vai trò của mình, cụ thể:

Thứ nhất, khi phiên tòa xét xử được mở thì mặc dù bị đơn đã có đơn triệu tập hợp lệ nhưng vẫn cố tình vắng mặt, Tòa án buộc phải hoãn phiên tòa. Đến lần thứ hai, đã có giấy triệu tập nhưng đương sự đó vẫn vắng mặt gây khó khăn cho Tòa án trong việc giải quyết vụ án.

Thứ hai, việc quy định về thủ tục xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa còn chưa phù hợp, chưa bảo đảm tính dân chủ và bảo vệ các quyền của đương sự trong quá trình tham gia tố tụng tại phiên tòa, làm đương sự ỷ lại phụ thuộc vào Tòa án, hạn chế tính tích cực, chủ động của đương sự trong tố tụng.

Ngoài ra, thủ tục tranh luận ở nhiều phiên tòa được tiến hành một cách hình thức, không phát huy được hiệu quả của việc tranh luận. Bên cạnh đó, Tòa án chưa thực sự tôn trọng, chưa tạo điều kiện thuận lợi để luật sư đọc hồ sơ vụ kiện; chưa tôn trọng, lắng nghe ý kiến của luật sư.

Thứ ba, công tác thụ lý và giải quyết theo thủ tục phúc thẩm còn chậm, nhiều bản án sơ thẩm còn được giải quyết chưa thỏa đáng, việc phát hiện những sai sót của bản án phúc thẩm còn chưa tiến hành kịp thời.

Thứ tư, trên thực tế, cơ quan tài phán không hoàn toàn nhất quán trong việc áp dụng quy định của pháp luật chuyên ngành hay quy định của BLDS dẫn đến khó khăn khi thi hành bản án, không đảm bảo được quyền lợi cho đương sự.

Bên cạnh những nhược điểm còn tồn tại, qua thực tiễn giải quyết các tranh HĐTD tại Tòa án thời gian qua đã được những kết quả nhất định, khẳng định vai trò quan trọng của Tòa án trong việc giải quyết tranh chấp phát sinh từ HĐTD:

Một là, việc giải quyết tranh chấp HĐTD đã được thống nhất theo một thủ tục tổ tụng chung là thủ tục tổ tụng dân sự.

Hai là, TAND các cấp đã không ngừng nâng cao chất lượng xét xử, làm rõ những yêu cầu của đương sự trong vụ án, tăng cường phối hợp với các cơ quan hữu quan để giải quyết vụ án.

Ba là, tình trạng sai phạm của các cán bộ ngành Tòa án đã bước đầu được khắc phục để xử lý và tiến hành bồi thường cho các đối tượng bị xử oan sai, đảm bảo việc thực hiện nguyên tắc pháp chế xã hội chủ nghĩa.

2.3. Thực tiễn tham gia của Tòa án trong giai đoạn thi hành án

Thực tiễn thi hành án dân sự cho thấy, việc án tuyên không rõ, khó thi hành là một trong những nguyên nhân làm cho án dân sự tồn đọng, kéo dài không thi hành được, ảnh hưởng đến quyền lợi của người được thi hành án, gây bức xúc trong dư luận, dẫn đến khiếu nại trong thi hành án. Để tháo gỡ khó khăn cho cơ quan Thi hành án khi gặp những trường hợp này, pháp luật quy định cơ quan Thi hành án dân sự có quyền yêu cầu bằng văn bản gửi Tòa án đã ra bản án, quyết định giải thích những điểm chưa rõ. Trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày nhận được văn bản yêu cầu, Tòa án có trách nhiệm trả lời bằng văn bản về những vấn đề được nêu trong văn bản yêu cầu của cơ quan Thi hành án dân sự. Quy định là vậy nhưng thực tế khi cơ quan Thi hành án dân sự có văn bản yêu cầu Tòa án đã ra bản án, quyết định giải thích những điểm chưa rõ trong bản án, quyết định của Tòa án. Có những trường hợp văn bản của Tòa án trả lời chung chung, không đúng nội dung văn bản của cơ quan Thi hành án dân sự yêu cầu hoặc không trả lời đã gây khó khăn cho việc tổ chức thi hành án, đây cũng là một trong những nguyên nhân chính dẫn đến án dân sự ngày càng tồn đọng. Đơn cử như Bản án số 03/2013/DSST ngày 29/7/2013 của TAND huyện Sa Thầy, tỉnh Kon Tum được phân tích chi tiết trong luận văn.

CHƯƠNG 3

MỘT SỐ KIẾN NGHỊ NÂNG CAO VAI TRÒ CỦA TÒA ÁN TRONG GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP HỢP ĐỒNG TÍN DỤNG

3.1. Một số giải pháp hoàn thiện quy định pháp luật hiện hành về giải quyết tranh chấp HĐTD tại Tòa án.

3.1.1. Sửa đổi, bổ sung các quy định của pháp luật về áp dụng thủ tục rút gọn đối với giải quyết tranh chấp HĐTD tại Tòa án.

Theo quy định của BLTTDS hiện hành thì tổng thời gian tối đa cho việc xét xử từ giai đoạn sơ thẩm đến giai đoạn phúc thẩm kể từ ngày có thông báo về việc thụ lý vụ án là mười tháng, chưa kể một khoảng thời gian không nhỏ để tiến hành thi hành án. Để tiết kiệm thời gian cho các đương sự thì với những tranh chấp HĐTD mà chứng cứ rõ ràng, bị đơn có địa chỉ, lai lịch cụ thể, họ thừa nhận nghĩa vụ của mình trước nguyên đơn, nếu nguyên đơn xuất trình được chứng cứ bằng văn bản để chứng minh cho yêu cầu của mình và nếu như bị đơn cùng tất cả những người liên quan khác trong vụ tranh chấp không có sự phản đối về sự giả mạo của bằng chứng đó thì Tòa án có thể khẳng định được tính xác thực và độ tin cậy của các thông tin trong các văn bản đó. Do vậy, Tòa án không phải mất nhiều thời gian để điều tra, xác minh mà vẫn có thể giải quyết được đúng pháp luật vụ tranh chấp đó, đảm bảo giải quyết nhanh gọn, hiệu quả theo một thủ tục rút gọn so với thủ tục theo pháp luật hiện hành. Thủ tục rút gọn là thủ tục được hình thành trên cơ sở đơn giản hóa thủ tục tố tụng thông thường nhằm giải quyết một số loại vụ việc cụ thể nhanh gọn, hiệu quả.

3.1.2. Hoàn thiện quy định pháp luật về chứng minh và chứng cứ

Chứng minh và chứng cứ là yếu tố xương sống của pháp luật tố tụng nói chung trong đó có pháp luật tố tụng dân sự. Mọi hoạt động tố tụng đều tập trung làm rõ những vấn đề cần phải chứng minh bằng việc thu thập và đánh giá chứng cứ. BLTTDS quy định: Nếu xét thấy

chứng cứ chưa đầy đủ để giải quyết vụ án thì Thẩm phán yêu cầu đương sự giao nộp bổ sung chứng cứ. Trong trường hợp đương sự đã áp dụng các biện pháp cần thiết mà vẫn không thể thu thập được chứng cứ thì có thể yêu cầu Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ. Tuy nhiên, trong rất nhiều vụ án mặc dù đương sự đã cất công đi lại nhiều lần yêu cầu cơ quan, tổ chức cung cấp các chứng cứ liên quan đến việc giải quyết vụ án để họ giao nộp cho Tòa án nhưng đều bị từ chối với đủ mọi lý do và việc từ chối đó cũng chỉ bằng lời nói, thái độ, cử chỉ. Với cách từ chối này đương sự khó có thể chứng minh việc họ đã áp dụng mọi biện pháp nhưng vẫn không thu thập được chứng cứ để làm cơ sở yêu cầu Tòa án thu thập. Do đó, để tháo gỡ vướng mắc này cần có chế tài cụ thể để xử lý các tổ chức, cá nhân không hợp tác trong việc cung cấp, chứng cứ phục vụ công tác xét xử của Tòa án.

Một vấn đề nữa là Điều 79 BLTTDS đã quy định: Nghĩa vụ cung cấp chứng cứ và chứng minh cho yêu cầu khởi kiện, cho sự phản đối yêu cầu của người khác là thuộc về đương sự. Tuy nhiên pháp luật hiện hành lại không quy định về thời hạn mà đương sự phải thực hiện việc giao nộp chứng cứ. Do đó, có nhiều đương sự sau khi khởi kiện đã không tự giác thu thập chứng cứ để giao nộp cho Tòa án hoặc cố tình trì hoãn việc giao nộp chứng cứ làm kéo dài thời hạn giải quyết vụ án. Vấn đề này thực tế đã gây không ít phiền phức cho Tòa án và cũng là một khoảng trống cần phải được lấp đầy.

3.2. Một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật về giải quyết tranh chấp HĐTD tại Tòa án

3.2.1. Nâng cao chất lượng đội ngũ thẩm phán

Về cơ bản, quy định pháp luật hiện hành bước đầu đã tạo ra những cơ sở pháp lý để hình thành đội ngũ thẩm phán chuyên nghiệp cho hoạt động xét xử. Tuy nhiên, pháp luật cũng cần quy định rõ ràng, cụ thể hơn về tính chuyên nghiệp của thẩm phán trên tất cả các lĩnh vực như: cơ chế bảo đảm, năng lực chuyên môn, đạo đức nghề nghiệp, kỹ năng xét xử... để có thể xây dựng đội ngũ Thẩm phán

chuyên nghiệp. Cũng cần xem xét, nghiên cứu về chế độ Thẩm phán được bổ nhiệm suốt đời để họ có thể yên tâm làm công việc đầy khó khăn đã lựa chọn.

Để tăng số lượng và nâng cao chất lượng của đội ngũ Thẩm phán đòi hỏi ngành Tòa án cần có chiến lược quy hoạch đào tạo nguồn thẩm phán. Quy hoạch thẩm phán vừa là căn cứ để thực hiện việc đào tạo, bồi dưỡng thẩm phán vừa là cơ sở để tiến hành chuẩn bị tuyển chọn bổ nhiệm thẩm phán.

Song song với việc đào tạo, để nâng cao hiệu quả hoạt động của đội ngũ thẩm phán thì việc tăng cường công tác giám sát của các cơ quan Nhà nước, tổ chức xã hội, của nhân dân đối với hoạt động xét xử của thẩm phán là việc làm cần thiết. Tăng cường vai trò của các phương tiện thông tin đại chúng trong việc tuyên truyền, cung cấp thông tin về hoạt động tư pháp. Từng bước thực hiện công khai hóa bản án của Tòa án. Mục đích của việc công bố phán quyết của Tòa án là nhằm làm cho công chúng thấy rõ quan điểm của Tòa án trong việc áp dụng pháp luật để xét xử và giám sát chất lượng của thẩm phán khi tuyên bản án đó. Cũng chính vì thế mà bản thân các thẩm phán phải nâng cao năng lực chuyên môn để làm sao tuyên bản án được chính xác, đúng đường lối chính sách, đúng pháp luật được xã hội thừa nhận.

3.2.2. Nâng cao năng lực của cán bộ tín dụng ngân hàng

Chất lượng tín dụng phụ thuộc hầu như toàn bộ vào yếu tố con người nên các tổ chức tín dụng phải thực sự lưu tâm đến điều này để kế hoạch tuyển dụng và đào tạo sao cho lực lượng cán bộ của mình luôn là người nhạy bén, có năng lực chuyên môn, có kiến thức về thị trường tài chính, đầu tư cũng như về pháp luật... Bên cạnh đó, mỗi tổ chức tín dụng thiết lập cho mình một quy trình cho vay chặt chẽ và hiệu quả. Chất lượng cán bộ tín dụng được nâng cao thì tự khắc các tranh chấp về HĐTĐ sẽ được hạn chế và dễ dàng giải quyết hơn.

3.2.2. Nâng cao ý thức pháp luật của các doanh nghiệp và người dân

Một trong những trở ngại lớn trong việc giải quyết các vụ án hiện nay là ý thức chấp hành pháp luật của một số cá nhân, cơ quan, tổ chức rất hạn chế. Điều này thể hiện ở các hành vi cản trở các hoạt động tố tụng của Tòa án. Tất cả các hành vi cản trở hoạt động tố tụng, dù ở mức độ nào đều có ảnh hưởng đến chất lượng xét xử của Tòa án. BLTTDS đã dành chương XXXII để quy định về việc xử lý các hành vi cản trở hoạt động tố tụng dân sự. Tuy nhiên, các hành vi vi phạm được liệt kê trong chương này cũng chỉ là số ít trong số rất nhiều loại hành vi cản trở hoạt động tố tụng cần phải được xử lý, và chương này cũng chỉ dừng lại ở quy định chung. Chính vì vậy cần quy định hình thức xử phạt rõ ràng, cụ thể và khắc để sớm khắc phục được tình trạng này. Bên cạnh đó, công tác tuyên truyền và phổ biến pháp luật đến các doanh nghiệp và người dân cần phải được triển khai mạnh mẽ hơn bằng nhiều hình thức khác song song với việc kiên quyết xử lý tổ chức cá nhân cố tình vi phạm.

KẾT LUẬN

Hệ thống ngân hàng Việt Nam nếu được chấn chỉnh và củng cố sẽ đóng góp lớn cho sự phát triển của nền kinh tế đất nước. Quá trình này cần nhiều giải pháp đồng bộ, trong đó việc giải quyết nhanh gọn, đúng đắn các tranh chấp HĐTĐ tại Tòa án để khắc phục tình trạng nợ đọng, góp phần thúc đẩy sự luân chuyển nguồn vốn được coi là một nhiệm vụ trọng tâm, là nhiệm vụ cần hoàn thành không chỉ riêng của ngành ngân hàng mà còn là nhiệm vụ chung của các cơ quan Nhà nước và của toàn xã hội. Trên cơ sở nghiên cứu những vấn đề cơ bản về vai trò của Tòa án trong việc giải quyết tranh chấp HĐTĐ và tìm hiểu việc thực hiện vai trò của Tòa án trong lĩnh vực này trên thực tế, luận văn đã đề xuất, kiến nghị một số giải pháp nâng cao vai trò của Tòa án trong việc giải quyết tranh chấp HĐTĐ trong thời gian tới. Theo đó, để Tòa án hoàn thành tốt nhất vai trò của mình trong các vụ án tranh chấp HĐTĐ, cần thiết phải có những quy định để đơn giản thủ tục tố tụng, nâng cao chất lượng đội ngũ thẩm phán, tuyên truyền, phổ biến pháp luật tới người dân và doanh nghiệp, tạo điều kiện thuận lợi cho các bên trong quá trình tham gia tố tụng... Có thể nói, đây là một lĩnh vực tương đối rộng và mang nhiều nét đặc thù, việc đưa ra hệ thống giải pháp toàn diện để chấn chỉnh công tác giải quyết tranh chấp HĐTĐ tại Tòa án ở Việt Nam là một điều vô cùng khó khăn, phức tạp. Trong khuôn khổ luận văn này, các kết quả nghiên cứu là những phác thảo cơ bản về vai trò của Tòa án trong việc giải quyết tranh chấp HĐTĐ và một số định hướng ban đầu về giải pháp nhằm nâng cao vai trò của Tòa án. Nhiều vấn đề lý luận và thực tiễn quan trọng liên quan đến tranh chấp HĐTĐ và vai trò của Tòa án trong việc giải quyết tranh chấp HĐTĐ cần phải được nghiên cứu cụ thể, kỹ lưỡng hơn.